

Số: 195 /QĐ-VKIM

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo liên tục
“An toàn thông tin trong y tế”**

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO Y DƯỢC VIỆT NAM-HÀN QUỐC

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-NH ngày 22/02/2025 của Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Huy về việc thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược Việt Nam-Hàn Quốc;

Căn cứ Chứng nhận số B-05/2025/ĐK-KC&CN ngày 28/02/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội về việc đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược Việt Nam-Hàn Quốc;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội định về đào tạo thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 định về đào tạo thường xuyên;

Căn cứ thông tư số 22/2013/TT-BYT, hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế và thông tư số 26/2020/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 9/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-BYT ngày 07/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Chương trình đào tạo liên tục “An toàn thông tin trong y tế” thuộc Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược Việt Nam-Hàn Quốc, áp dụng trong công tác giảng dạy, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho nhân viên y tế và các đối tượng có nhu cầu.

Điều 2: Trưởng Phòng Nghiên cứu Khoa học và công nghệ cùng các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Viện. Các đơn vị

đảm bảo việc chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, tài liệu và kế hoạch đào tạo theo đúng mục tiêu và nội dung đã được phê duyệt.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng Phòng Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: KH&CN.

VIỆN TRƯỞNG

TS. BS. Trần Trọng Dương

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình đào tạo liên tục *An toàn thông tin trong y tế* (thời gian đào tạo: 40 tiết CME) được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

Các văn bản chung:

- Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm số 15/2023/QH15 năm 2023;
- Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 năm 2015;
- Căn cứ Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 năm 2018;
- Căn cứ Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/08/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng;
- Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/04/2023 của Chính phủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-NH ngày 22/02/2025 của Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Huy về việc thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược Việt Nam-Hàn Quốc;
- Căn cứ Chứng nhận số B-05/2025/ĐK-KC&CN ngày 28/02/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội về việc đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho Viện Nghiên cứu và Đào tạo Y Dược Việt Nam-Hàn Quốc;
- Căn cứ Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 định về đào tạo thường xuyên;
- Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BYT ngày 28/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 9/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo cho cán bộ y tế;
- Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 21/09/2017 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án;
- Căn cứ Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về hồ sơ bệnh án điện tử;
- Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-BYT ngày 07/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng của Bộ Y tế.

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Lý do đề xuất chương trình đào tạo

1.1.1. Bối cảnh và sự cần thiết

Trong bối cảnh chuyển đổi số y tế đang được đẩy mạnh, hầu hết các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã và đang triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hệ thống quản lý bệnh viện (HIS), hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh y khoa (PACS), khám chữa bệnh từ xa (Telemedicine). Việc số hóa dữ liệu y tế giúp nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng khám chữa bệnh nhưng đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ mất an toàn thông tin, rò rỉ dữ liệu người bệnh, tấn công mạng và vi phạm quyền riêng tư.

Thực tế cho thấy, nhân lực y tế hiện nay còn thiếu kiến thức, kỹ năng và nhận thức đầy đủ về an toàn thông tin, đặc biệt là trong quá trình sử dụng, khai thác, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu y tế điện tử. Phần lớn các sai sót về bảo mật xuất phát từ yếu tố con người, không chỉ từ hệ thống kỹ thuật.

1.1.2. Cơ sở pháp lý bắt buộc phải đào tạo

Chương trình đào tạo An toàn thông tin trong y tế được đề xuất trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm:

- Luật An toàn thông tin mạng năm 2015: quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ thông tin cá nhân trên môi trường mạng.
- Luật An ninh mạng năm 2018 và Nghị định số 53/2022/NĐ-CP: yêu cầu bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng, trong đó có hệ thống thông tin y tế.
- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân: xác định dữ liệu sức khỏe là dữ liệu cá nhân nhạy cảm, yêu cầu nghiêm ngặt về thu thập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ.
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023: quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin người bệnh của người hành nghề và cơ sở y tế.
- Các Thông tư của Bộ Y tế về hồ sơ bệnh án, hồ sơ bệnh án điện tử, ứng dụng CNTT trong cơ sở khám chữa bệnh.

Các quy định trên đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với cơ sở y tế và nhân viên y tế phải được đào tạo, cập nhật kiến thức về an toàn thông tin, nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật và phòng ngừa rủi ro pháp lý.

1.1.3. Ý nghĩa thực tiễn đối với cơ sở y tế và người hành nghề

Việc xây dựng chương trình đào tạo An toàn thông tin trong y tế (40 tiết) có ý nghĩa thiết thực:

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm pháp lý của nhân viên y tế trong bảo mật thông tin người bệnh.
- Chuẩn hóa kỹ năng thực hành an toàn thông tin khi sử dụng HIS, EMR, PACS, Telemedicine, đặc biệt trong chia sẻ dữ liệu và hội chẩn từ xa.

- Giảm thiểu nguy cơ rò rỉ dữ liệu, sự cố an ninh mạng, góp phần bảo vệ uy tín, thương hiệu và sự an toàn pháp lý của cơ sở y tế.

- Hỗ trợ cơ sở y tế đáp ứng các tiêu chí ứng dụng CNTT và chuyển đổi số y tế, phù hợp với định hướng của Bộ Y tế.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bệnh, tăng cường niềm tin của xã hội đối với hệ thống y tế.

1.1.4. Lý do đề xuất thời lượng 40 tiết và cấp CME

- Thời lượng 40 tiết là phù hợp để:

- + Trang bị kiến thức nền tảng pháp lý;

- + Huấn luyện kỹ năng thực hành an toàn thông tin;

- + Thảo luận tình huống thực tế, sự cố điển hình trong y tế;

- + Đánh giá cuối khóa theo yêu cầu CME;

- Nội dung đào tạo có tính liên ngành (y tế – pháp lý – công nghệ thông tin), đòi hỏi thời lượng đủ sâu để học viên có thể áp dụng ngay trong thực hành lâm sàng và quản lý y tế.

- Chương trình đáp ứng yêu cầu đào tạo liên tục (CME) theo quy định của Bộ Y tế, góp phần cập nhật kiến thức bắt buộc cho người hành nghề trong bối cảnh pháp luật và công nghệ thay đổi nhanh chóng.

Việc đề xuất và triển khai chương trình đào tạo An toàn thông tin trong y tế (40 tiết, cấp CME) là cần thiết, cấp bách và phù hợp với yêu cầu pháp lý, chuyên môn và thực tiễn hiện nay. Chương trình không chỉ giúp nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên y tế mà còn góp phần xây dựng hệ thống y tế số an toàn, bền vững và lấy người bệnh làm trung tâm.

1.2. Đối tượng học

Chương trình đào tạo An toàn thông tin trong y tế (40 tiết, cấp CME) được thiết kế dành cho các đối tượng sau:

- Bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên y tế đang hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, có tham gia sử dụng, khai thác và quản lý thông tin người bệnh trên các hệ thống điện tử (HIS, EMR, PACS, LIS, Telemedicine...).

- Cán bộ quản lý y tế tại bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám (Ban Giám đốc, lãnh đạo khoa/phòng, điều dưỡng trưởng, trưởng bộ phận chuyên môn), có trách nhiệm tổ chức, giám sát việc bảo mật thông tin và tuân thủ quy định pháp luật về dữ liệu y tế.

- Cán bộ công nghệ thông tin y tế, phụ trách quản trị, vận hành, phát triển các hệ thống thông tin y tế, hồ sơ bệnh án điện tử, chuyển đổi số trong y tế.

- Cán bộ pháp chế, hành chính, quản lý chất lượng, nghiên cứu khoa học trong các cơ sở y tế, có liên quan đến quản lý, sử dụng, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu người bệnh.

- Giảng viên, nghiên cứu viên, học viên sau đại học trong lĩnh vực y học, y tế công cộng, quản lý y tế, công nghệ thông tin y tế, có nhu cầu cập nhật kiến thức về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu sức khỏe.

- Các đối tượng khác có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về an toàn thông tin trong y tế, phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo CME.

1.3. Thời lượng: 40 tiết

2. MỤC TIÊU KHÓA HỌC VÀ YÊU CẦU ĐẦU VÀO

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo An toàn thông tin trong y tế nhằm trang bị và cập nhật kiến thức, kỹ năng và thái độ chuyên môn cho người học về bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu sức khỏe và quyền riêng tư của người bệnh trong môi trường y tế số; giúp học viên nhận thức đầy đủ trách nhiệm pháp lý, đạo đức nghề nghiệp, thực hành đúng và an toàn trong việc thu thập, sử dụng, lưu trữ, chia sẻ và quản lý thông tin y tế điện tử; qua đó nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, giảm thiểu rủi ro vi phạm pháp luật, sự cố an ninh mạng, và góp phần xây dựng hệ thống y tế số an toàn, bền vững và lấy người bệnh làm trung tâm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu kiến thức

Sau khi hoàn thành chương trình, học viên có khả năng:

- Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực y tế.

- Nêu và phân tích được các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến bảo mật thông tin người bệnh, hồ sơ bệnh án và hồ sơ bệnh án điện tử.

- Nhận diện được các nguy cơ, rủi ro thường gặp về mất an toàn thông tin trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và quản lý y tế.

- Hiểu được vai trò, trách nhiệm pháp lý và đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề và cơ sở y tế trong bảo vệ thông tin sức khỏe.

2.2.2. Mục tiêu thái độ

Sau khi hoàn thành chương trình, học viên:

- Hình thành ý thức tự giác, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật trong bảo vệ thông tin người bệnh.

- Có thái độ cẩn trọng, chuyên nghiệp khi tiếp cận, sử dụng và chia sẻ dữ liệu y tế.

- Chủ động phòng ngừa rủi ro và phối hợp với các bộ phận liên quan khi xảy ra sự cố an toàn thông tin.

- Góp phần xây dựng văn hóa an toàn thông tin trong cơ sở y tế.

2.2.3. Mục tiêu kỹ năng

Sau khi hoàn thành chương trình, học viên có khả năng:

- Thực hiện đúng các nguyên tắc bảo mật thông tin người bệnh trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh, hội chẩn, nghiên cứu khoa học và đào tạo.
- Sử dụng an toàn và đúng quy định các hệ thống thông tin y tế (HIS, EMR, PACS, LIS, Telemedicine).
- Thực hành phân quyền truy cập, quản lý mật khẩu, lưu trữ, sao lưu và chia sẻ dữ liệu y tế theo quy định.
- Nhận biết và xử trí ban đầu các sự cố an toàn thông tin (rò rỉ dữ liệu, mất tài khoản, tấn công mạng...) trong phạm vi trách nhiệm.
- Áp dụng các quy trình, hướng dẫn nội bộ về an toàn thông tin tại cơ sở y tế.

2.3. Yêu cầu đầu vào

Người học tham gia chương trình đào tạo An toàn thông tin trong y tế cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Trình độ chuyên môn:
 - + Là bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên y tế, cán bộ quản lý y tế, cán bộ công nghệ thông tin y tế, hoặc các đối tượng khác thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở đào tạo, nghiên cứu y sinh học.
 - + Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với vị trí công tác theo quy định hiện hành.
- Phạm vi hành nghề và công tác:
 - + Đang công tác hoặc có nhu cầu công tác trong các lĩnh vực có liên quan đến thu thập, sử dụng, lưu trữ, xử lý hoặc quản lý thông tin y tế, dữ liệu người bệnh.
 - + Ưu tiên người học đang làm việc tại các cơ sở đã hoặc đang triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, hệ thống quản lý bệnh viện, chuyển đổi số y tế.
- Kiến thức và kỹ năng nền tảng:
 - + Có kiến thức cơ bản về hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và quản lý y tế.
 - + Có khả năng sử dụng máy tính, thiết bị số và các phần mềm thông dụng trong công việc chuyên môn.
 - + Không yêu cầu kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin trước khi tham gia khóa học.
- Yêu cầu về ý thức và cam kết học tập:
 - + Có ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và quy định bảo mật thông tin người bệnh.
 - + Cam kết tham gia đầy đủ thời lượng chương trình, thực hiện các bài kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu để được cấp chứng chỉ CME.

3. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

STT	Nội dung	Lý thuyết (giờ)	Thực hành/Tình huống (giờ)	Tổng (giờ)
1	Bài 1. Tổng quan về an toàn thông tin trong y tế; dữ liệu sức khỏe; rủi ro và trách nhiệm pháp lý – đạo đức	3	1 (phân tích tình huống vi phạm ATTT y tế)	4
2	Bài 2. Quản lý hồ sơ giấy an toàn: bảo quản, mượn – trả, lưu trữ, tiêu hủy; lỗi thường gặp trong thực tế	2	2 (thực hành quy trình quản lý hồ sơ giấy, xử lý tình huống)	4
3	Bài 3. Quản lý dữ liệu điện tử: hồ sơ bệnh án điện tử; phân quyền truy cập; nguyên tắc chia sẻ thông tin “cần biết”	2	2 (mô phỏng phân quyền, đánh giá sai sót truy cập)	4
4	Bài 4. Mật khẩu, tài khoản, email an toàn; nhận diện email lừa đảo, liên kết độc hại	2	2 (nhận diện phishing, thực hành thiết lập mật khẩu an toàn)	4
5	Bài 5. Thiết bị di động, USB, mạng xã hội và rủi ro rò rỉ thông tin người bệnh; thực hành xử lý tình huống	2	2 (xử lý tình huống rò rỉ dữ liệu qua điện thoại, Zalo, Facebook...)	4
6	Bài 6. Các hình thức tấn công mạng thường gặp trong y tế (malware, ransomware, phishing...); dấu hiệu nhận biết	2	2 (phân tích kịch bản tấn công mạng y tế thực tế)	4
7	Bài 7. Quy trình báo cáo và xử trí sự cố an toàn thông tin; sao lưu và khôi phục dữ liệu theo quy định nội bộ	2	2 (diễn tập xử lý sự cố ATTT, báo cáo sự cố)	4
8	Bài 8. Đạo đức nghề nghiệp và bảo mật thông tin người bệnh; xử lý yêu cầu cung cấp thông tin từ truyền thông, người nhà, bên thứ ba	3	1 (thảo luận tình huống đạo đức – pháp lý)	4
9	Bài 9. Truyền thông nội bộ và xây dựng văn hóa an toàn thông tin; khuyến khích báo cáo sự cố, “near miss”	2	2 (xây dựng thông điệp ATTT cho khoa/phòng)	4
10	Bài 10. Thảo luận ca điển hình; ôn tập; kiểm tra cuối khóa; xây dựng cam kết cá nhân và đề xuất cải tiến tại khoa/phòng	1	3 (bài kiểm tra, thảo luận, xây dựng kế hoạch cải tiến)	4
	Cộng:	21	19	40

4. TÊN TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, ban hành ngày 19/11/2015.
- Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, ban hành ngày 12/6/2018.
- Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng.
- Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ: Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, ban hành ngày 09/01/2023.
- Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 21/9/2017 của Bộ Y tế: Quy định về hồ sơ bệnh án.
- Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế: Quy định về hồ sơ bệnh án điện tử.
- Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế: Ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng CNTT tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 111/QĐ-BYT ngày 06/01/2021: Ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử ngành Y tế phiên bản 2.0.
- Thông tư số 29/2018/TT-BYT ngày 29/10/2018: Quy định về thử nghiệm lâm sàng trong nghiên cứu y sinh học (nội dung bảo mật thông tin đối tượng nghiên cứu).
- Tài liệu hướng dẫn an toàn thông tin trong cơ sở y tế do Bộ Y tế/Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành (các tài liệu đang còn hiệu lực).
- Tài liệu hướng dẫn thực hành bảo mật dữ liệu y tế của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và các tổ chức quốc tế (sử dụng chọn lọc, phù hợp pháp luật Việt Nam).

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY/HỌC

5.1. Phương pháp dạy/học lý thuyết

- Bài giảng: Cung cấp hệ thống kiến thức cốt lõi, giúp học viên nắm vững nội dung môn học.
- Thảo luận nhóm: Tổ chức theo nhóm 4–5 học viên; mỗi buổi học có một chủ đề thảo luận gắn với nội dung bài giảng nhằm tăng khả năng trao đổi và tư duy phản biện.
- Tự học: Học viên chủ động tìm hiểu thêm tài liệu tại thư viện, các nguồn học thuật và tài liệu đáng tin cậy trên internet để mở rộng và củng cố kiến thức.
- Hỗ trợ học tập: Học viên có thể trao đổi với điều phối môn học và giảng viên trực tiếp hoặc gián tiếp (qua email/nhóm hỗ trợ) để được giải đáp thắc mắc liên quan đến nội dung bài học.

5.2. Phương pháp dạy/học thực hành

- Thực hành tại lớp: Học viên thực hiện các bài tập và kỹ thuật cấp cứu trực tiếp trên lớp theo hướng dẫn của giảng viên.
- Mô phỏng tình huống: Sử dụng mô hình, thiết bị hoặc tình huống giả định để luyện tập kỹ năng xử trí, đánh giá nhanh và phối hợp nhóm.

- Hướng dẫn – sửa sai: Giảng viên quan sát, hướng dẫn, hiệu chỉnh thao tác để học viên thực hành đúng kỹ thuật và đảm bảo an toàn.

- Thực hành lặp lại: Học viên được luyện tập nhiều lần nhằm hình thành phản xạ, tăng sự tự tin và khả năng xử lý trong tình huống thực tế.

6. TIÊU CHUẨN GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG

6.1. Nhân lực

- Giảng viên giảng lý thuyết và thực hành phải đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên sau đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Bộ Y tế liên quan đến lĩnh vực đào tạo liên tục.

- Mỗi lớp học từ 15–30 học viên được bố trí ít nhất 01 giảng viên và 01 trợ giảng, nhằm đảm bảo chất lượng hướng dẫn và hiệu quả thực hành.

6.2. Tiêu chuẩn giảng viên

- Giảng viên lý thuyết: Là giảng viên cơ hữu hoặc giảng viên thỉnh giảng; có kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Giảng viên thực hành: Là giảng viên cơ hữu hoặc thỉnh giảng; có kinh nghiệm thực hành lâm sàng, giảng dạy và/hoặc nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành, bảo đảm khả năng hướng dẫn kỹ năng cho học viên.

7. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU CHO KHÓA HỌC

- Phòng học, giảng đường được trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại, đáp ứng yêu cầu của bài giảng lý thuyết và thảo luận.

- Hoạt động thực hành được thực hiện chủ yếu dưới hình thức làm bài tập và thao tác trực tiếp tại lớp, có sự hướng dẫn của giảng viên và trợ giảng.

- Cơ sở vật chất và bố trí thực hành được sắp xếp phù hợp với từng môn học và từng bài thực hành, bảo đảm đáp ứng đúng mục tiêu và yêu cầu của nội dung đào tạo.

8. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

8.1. Cách thức tuyển sinh

- Thông báo tuyển sinh được thực hiện bằng văn bản chính thức; học viên có thể đăng ký thông qua website, email hoặc các kênh liên lạc được công bố.

- Chương trình có thể ký hợp đồng đào tạo và tổ chức lớp học tại địa phương theo nhu cầu của đơn vị.

- Quy mô mỗi khóa: từ 20–30 học viên, được chia thành nhóm nhỏ 7–8 học viên để đảm bảo hiệu quả hướng dẫn thực hành và giám sát chuyên môn.

8.2. Thời gian đào tạo và địa điểm

- Thời gian đào tạo: gồm 06 buổi học, được bố trí linh hoạt theo kế hoạch của khóa đào tạo.

- Địa điểm: thực hiện theo thỏa thuận với đơn vị có nhu cầu đào tạo; chương trình có thể tổ chức trực tiếp tại địa phương, tại cơ sở đã ký hợp đồng, hoặc triển khai dưới hình thức đào tạo trực tuyến.

8.3. Tổ chức đào tạo và quản lý lớp học

- Học lý thuyết: tổ chức trực tiếp tại giảng đường hoặc tại các cơ sở đủ điều kiện đào tạo, áp dụng phương pháp học tập tích cực, tăng cường sự tham gia của học viên.

- Học thực hành: triển khai thông qua các bài tập tình huống, được xây dựng dựa trên thông tin và bối cảnh thực tế tại các cơ sở y tế để học viên phân tích và giải quyết vấn đề; đồng thời có thể kết hợp thực hành trực tiếp tại lớp học.

- Tổ chức lớp học:

- + Mỗi lớp có 01 giáo viên phụ trách theo dõi, hỗ trợ và quản lý quá trình học.

- + Lớp được chia thành các nhóm học tập, mỗi nhóm gồm 8 học viên và có 01 nhóm trưởng phụ trách điều phối hoạt động nhóm.

9. ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

9.1. Đánh giá kết quả học tập

- * Đánh giá thường xuyên:

Giảng viên tiến hành kiểm tra, nhận xét và đánh giá liên tục trong quá trình giảng dạy cả lý thuyết và thực hành, nhằm theo dõi sự tiến bộ của học viên.

- * Đánh giá kết thúc khóa học gồm 02 phần:

- Đánh giá lý thuyết:

- + Hình thức: 01 bài kiểm tra trắc nghiệm dạng test.

- + Thời lượng: 20 phút.

- + Nội dung: Theo chương trình đào tạo và yêu cầu kiến thức của khóa học.

- + Phương pháp: Làm bài kiểm tra lý thuyết trên giấy hoặc trên hệ thống (tùy cơ sở tổ chức).

- Đánh giá thực hành:

- + Hình thức: Học viên trình bày và giải quyết 01 bài tập tình huống thuộc chuyên đề.

- + Thời gian trình bày: 60 phút.

- + Nội dung: Theo chuyên đề/vấn đề cụ thể được giao.

- + Phương pháp đánh giá: Dựa trên bảng kiểm thực hành được chuẩn hóa, đánh giá năng lực xử lý tình huống và kỹ năng thực hành.

9.2. Cách tính điểm kết thúc khóa

- Điểm lý thuyết: chiếm 40% tổng điểm.

- Điểm bài tập tình huống/thực hành: chiếm 60% tổng điểm.

- Tổng điểm quy về thang điểm 10.

9.3. Công nhận tốt nghiệp và cấp chứng chỉ

- Học viên được công nhận hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ “**Cập nhật ứng dụng PRP trong điều trị bệnh lý cơ xương khớp và chấn thương thể thao**” khi: Có điểm đánh giá cuối khóa (lý thuyết + thực hành) từ 5/10 trở lên.

- Chứng chỉ được cấp theo đúng quy định hiện hành và có giá trị theo phạm vi của chương trình đào tạo.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG

TS. BS. Trần Trọng Dương